

TÍNH TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được đặc điểm của tính từ và một số loại tính từ cơ bản.
- Nắm được cấu tạo của cụm tính từ.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Đây là tiết học cuối cùng trong một loạt những tiết học về từ loại và cụm từ trong SGK *Ngữ văn 6*, tập một. Vì thế, GV có thể sử dụng những hiểu biết của các em đã được học trong các bài trước để nắm lấy kiến thức mới. GV có thể sử dụng các khái niệm HS đã quen dùng trong các bài học trước mà không cần giải thích thêm như : cụm từ, phụ ngữ, đứng trước, đứng sau, mô hình, ...

2. Tính từ có những đặc điểm ngữ pháp gắn gũi với động từ.

Phụ ngữ trước của tính từ thường chỉ quan hệ thời gian, mức độ, sự phủ định hoặc khẳng định, v.v...

Phụ ngữ sau của tính từ có thể là một từ hay một tập hợp từ. Ví dụ :

- *dai lắm* ;
- *dai như đĩa*.

Phụ ngữ đứng sau tính từ thường dùng để bổ sung ý nghĩa mức độ, ý nghĩa so sánh, ý nghĩa định lượng, ... Ví dụ :

- *nhỏ lắm, bé quá* (ý nghĩa mức độ) ;
- *nhỏ bằng con kiến, to bằng con voi, cao như núi Thái Sơn* (ý nghĩa so sánh) ;
- *cao 5 mét, rộng 5 phân* (ý nghĩa định lượng).

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm các tính từ có trong câu.

Đây là phần giúp các em nhớ lại khái niệm tính từ đã được học. GV có thể cho một HS nhắc lại khái niệm tính từ rồi sau đó hướng dẫn các em tìm tính từ trong câu.

- Tính từ trong câu a : *bé, oai.*
- Tính từ trong câu b : *vàng hoe, vàng lịm, vàng ói, vàng tươi.*

Hoạt động 2. Tìm thêm các tính từ.

GV gợi ý cho HS tìm các tính từ :

- *xanh, đỏ, trắng, vàng, đen, tím, xanh lè, trắng toát, đỏ au, ...*
- *chua, cay, ngọt, bùi, mặn, chát, đắng, nhạt, nhạt thêch, đắng ngắt, ...*
- *lệch, nghiêng, ngay, thẳng, thẳng băng, xiêu vẹo, nhăn nhúm, ...*

Hoạt động 3. So sánh tính từ với động từ.

- Về khả năng kết hợp với *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn* : tính từ và động từ có khả năng giống nhau.

- Về khả năng kết hợp với *hãy, chớ, đừng* : tính từ bị hạn chế, còn động từ có khả năng kết hợp mạnh.

- Về khả năng làm chủ ngữ : tính từ và động từ giống nhau.

- Về khả năng làm vị ngữ : khả năng của tính từ hạn chế hơn động từ. GV có thể cho HS so sánh các tổ hợp từ chứa động từ và chứa tính từ :

(1) *Em bé ngã.*

(2) *Em bé thông minh.*

Tổ hợp từ (1) đã thành câu, còn tổ hợp (2) mới là cụm từ, chưa thành câu. Muốn tổ hợp (2) thành câu, ta phải thêm vào sau từ *em bé* một chỉ từ (ví dụ : *em bé ấy* hoặc thêm vào trước hay sau tính từ *thông minh* một phụ từ (Ví dụ : *thông minh lắm, rất thông minh*).

Hoạt động 4. Phân loại tính từ.

GV giúp HS nhận ra hai tiểu loại của tính từ :

- Tính từ tương đối (có thể kết hợp với từ chỉ mức độ *rất, hơi, khá*) ;
- Tính từ tuyệt đối (không kết hợp với từ chỉ mức độ).

Trong bài tập có :

+ Các tính từ tuyệt đối là : *vàng hoe, vàng lịm, vàng ói, vàng tươi.*

+ Các tính từ tương đối là : *bé, oai.*

Hoạt động 5. Tìm hiểu cấu tạo của cụm tính từ.

GV có thể nêu câu hỏi gợi ý :

– Tìm tính từ trong bộ phận từ ngữ được in đậm trong hai câu.

HS : *yên tĩnh, nhỏ, sáng.*

– Những từ ngữ nào đứng trước hoặc sau tính từ làm rõ nghĩa cho tính từ các em vừa tìm ?

HS : *vốn, đã, rất ; lại ; vắng vặc, ở trên không.*

GV kết luận : Những từ ngữ vừa tìm được trong câu chính là các phụ ngữ của tính từ và cùng với tính từ tạo thành cụm tính từ.

Hoạt động 6. Vẽ mô hình cụm tính từ.

Dựa vào những điều HS đã biết trong các bài trước về cụm danh từ, cụm động từ, GV hướng dẫn các em vẽ mô hình của cụm tính từ.

HS có thể vẽ như sau :

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
<i>vốn / đã / rất</i>	<i>yên tĩnh nhỏ sáng</i>	<i>lại vắng vặc / ở trên không</i>

Hoạt động 7. GV hướng dẫn HS tìm hiểu phần *Ghi nhớ* và cho các em luyện tập.

IV – GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ BÀI TẬP

Bài tập 1

Các cụm tính từ có trong câu là :

a) *sun sun như con đĩa*

b) *chần chẫn như cái đòn càn*

c) *bè bè như cái quạt thóc*

d) *sừng sững như cái cột đình*

e) *tun tũn như cái chổi sể*

Bài tập 2

Gợi ý :

- Các tính từ đều là từ láy, có tác dụng gợi hình, gợi cảm.
- Hình ảnh mà tính từ gợi ra là sự vật tầm thường, không giúp cho việc nhận thức một sự vật to lớn, mới mẻ như "con voi".
- Đặc điểm chung của năm ông thầy bói : nhận thức hạn hẹp, chủ quan.

Bài tập 3

Gợi ý :

Động từ và tính từ được dùng trong những lần sau mang tính chất mạnh mẽ, dữ dội hơn lần trước, thể hiện sự thay đổi thái độ của con cá vàng trước những đòi hỏi mỗi lúc một quá quắt của vợ ông lão. So sánh :

- *gợn sóng êm ả*
- *nổi sóng*
- *nổi sóng dữ dội*
- *nổi sóng mù mịt*
- *nổi sóng âm âm*

Bài tập 4

Gợi ý :

Những tính từ được dùng lần đầu phản ánh cuộc sống nghèo khổ. Mỗi lần thay đổi tính từ là mỗi lần cuộc sống tốt đẹp hơn. Nhưng cuối cùng tính từ dùng lần đầu được dùng lặp lại thể hiện sự trở lại như cũ :

- *sút mẻ / sút mẻ*
- *nát / nát*